

Số: 01/QĐ-AP

Quận 8, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024
của Trường Tiểu học An Phong**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7052/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ chức năng quyền hạn của Hiệu trưởng Trường tiểu học An Phong được qui định trong điều lệ trường Tiểu học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học An Phong (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu :KT,VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Kim Liễu

ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TIỂU HỌC AN PHONG

CHƯƠNG: 622 LOẠI: 070 KHOẢN: 072

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 7052/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I.1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
2.1	Chi sự nghiệp	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-
I.2	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách thu sự nghiệp, thu dịch vụ	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
1.2	Dịch vụ	-
2.1	Chi sự nghiệp	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2.2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số nộp NSNN	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.189.500
1	Chi quản lý hành chính	-
2	Nghiên cứu khoa học	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.189.500
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.917.000
	TIỀN LƯƠNG	3.329.864
6001	Lương theo ngạch bậc	3.329.864



STT	Nội dung	Dự toán được giao
	TIỀN CÔNG	180.000
6051	Tiền công trả theo hợp đồng (lương hợp đồng NĐ 68)	180.000
	PHỤ CẤP LƯƠNG	1.980.481
6101	Chức vụ	75.804
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.372.711
6113	Trách nhiệm	13.848
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	518.118
	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP	964.367
6301	Bảo hiểm xã hội	718.163
6302	Bảo hiểm y tế	123.113
6303	Kinh phí công đoàn	82.076
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	41.015
	CÁC KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN	137.070
6449	Chi khác	93.600
6449	Chi khác (Tiền dạy tiết thực hành cho GV thể dục)	43.470
	THANH TOÁN DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	233.000
6501	Thanh toán tiền điện	150.000
6502	Thanh toán tiền nước	75.000
6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	8.000
	VẬT TƯ VĂN PHÒNG	11.500
6551	Văn phòng phẩm	7.500
6599	Vật tư văn phòng khác	4.000
	THÔNG TIN, TT, LIÊN LẠC	10.000
6601	Cước điện thoại	2.000
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê d	3.000
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	5.000
	CÔNG TÁC PHÍ	36.000
6704	Khoản công tác phí	36.000
	CHI PHÍ THUÊ MƯƠN	20.000
6757	Thuê lao động trong nước	20.000
	SỬA CHỮA TX TSCĐ C/T C/M	4.318
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	4.318
	CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN NGÀNH	10.400
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	3.000
7004	Đồng phục, trang phục cho GV thể dục	6.000
7004	Đồng phục, trang phục cho GV tổng phụ trách	1.400

STT	Nội dung	Dự toán được giao
7049	Chi mua sách tham khảo, sách nghiệp vụ	-
	CHI CHO CÁC SỰ KIỆN	-
7949	Chi khác	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.272.500
	PHỤ CẤP LƯƠNG	148.550
6105	Chi dạy vượt giờ	140.000
6112	Phụ cấp ưu đãi	148.550
	HỌC BỔNG HỌC SINH, SINH VIÊN	162.000
6157	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	162.000
	CÁC KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN	5.720.000
6449	Chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố	5.720.000
	CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN NGÀNH	83.500
7001	Chi mua h/hóa, vật tư chuyên môn	83.500
	CHI KHÁC	18.450
7766	Cấp bù tiền học 2 buổi	18.450
II	Nguồn vốn viện trợ	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-

KẾ TOÁN



Trần Thanh Kiều

Quận 8, ngày 10 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Kim Liễu

